HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TRONG LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CẠNH TRANH THƯƠNG MẠI MỸ - TRUNG QUỐC

ThS. Nguyễn Thuỳ Linh* - TS. Vũ Duy*

1. Mở đầu

Kể từ năm 2018, cuộc cạnh tranh thương mại Mỹ - Trung bùng phát và leo thang liên tục. Thuế quan của Hoa Kỳ đối với hàng hóa Trung Quốc tăng mạnh qua các giai đoạn, đặc biệt năm 2024 khi chính quyền Biden bổ sung thuế suất cao đối với nhiều mặt hàng công nghệ[1]. Đến năm 2025, chính quyền Trump tiếp tục đẩy mức thuế lên kỷ lục[2].

Diễn biến này đã tạo ra những làn sóng chấn động trong chuỗi cung ứng toàn cầu, buộc các tập đoàn đa quốc gia phải xem xét lại chiến lược sản xuất và phân bổ đầu tư. Xu hướng "China Plus One" - đa dạng hóa cơ sở sản xuất ra khỏi Trung Quốc - từ đó trở thành lựa chọn chiến lược của nhiều doanh nghiệp nhằm giảm thiểu rủi ro địa chính trị. Trong bối cảnh đó, Việt Nam trở thành một trong những điểm đến hấp dẫn nhất, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (CBCT). Minh chứng rõ nét nhất là vốn FDI đăng ký vào ngành CBCT năm 2024 đạt 25,58 tỷ USD, chiếm 66,91% tổng vốn đăng ký; con số này tiếp tục được duy trì ở mức cao với 22,73 tỷ USD vào năm 2025, tương đương gần 60% tổng vốn FDI (theo số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài). Những số liệu ấn tượng này cho thấy ngành CBCT đang đóng vai trò trung tâm trong thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Xuất phát từ thực tiễn trên, nghiên cứu này hướng đến ba mục tiêu chính: phân tích thực trạng FDI trong lĩnh vực CBCT tại Việt Nam giai đoạn 2018-2025; đánh giá tác động của cuộc cạnh tranh thương mại Mỹ-Trung đến dòng vốn đầu tư; và đề xuất các giải pháp nhằm tận dụng hiệu quả cơ hội từ xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu. Về phương pháp, nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận phân tích định tính kết hợp thống kê mô tả, dựa trên nguồn số liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài, Tổng cục Thống kê, Bộ Công thương và các tổ chức quốc tế uy tín.

[1] *The White House (2024), "Fact Sheet: President Biden Takes Action to Protect American Workers and Businesses from China's Unfair Trade Practices", 14/5/2024.*

[2] *Bown, C.P. (2025), "US-China Trade War Tariffs: An Up-to-Date Chart", Peterson Institute for International Economics. Biểu đồ cập nhật định kỳ tại: https://www.piie.com/research/piie-charts/us-china-trade-war-tariffs-date-chart*

Ngày nhận bài: 25/01/2026
Ngày gửi phản biện: 21/02/2026
Ngày duyệt đăng: 18/3/2026
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i309.48

2. Cơ sở lý luận

2.1. Đầu tư trực tiếp nước ngoài và công nghiệp chế biến, chế tạo

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là hình thức đầu tư dài hạn trong đó nhà đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đáng kể doanh nghiệp tiếp nhận, mang theo không chỉ vốn mà còn công nghệ, kinh nghiệm quản lý và khả năng tiếp cận thị trường (OECD, 2008). Công nghiệp chế biến, chế tạo (CBCT) là bộ phận cốt lõi của khu vực công nghiệp, biến đổi nguyên vật liệu thành sản phẩm có giá trị gia tăng cao, bao gồm các ngành từ dệt may, điện tử đến ô tô và máy móc thiết bị.

FDI vào ngành CBCT tạo ra mối quan hệ cộng sinh quan trọng, không chỉ bổ sung nguồn vốn mà còn thúc đẩy chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh doanh nghiệp nội địa và tạo việc làm.

2.2. Lý thuyết OLI và các yếu tố thu hút FDI vào ngành chế biến, chế tạo

Lý thuyết OLI của Dunning (2000) cho rằng doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài khi hội tụ ba lợi thế: sở hữu (O) như công nghệ và thương hiệu; địa điểm (L) gồm chi phí sản xuất và thị trường; và nội bộ hóa (I) khi tự tổ chức sản xuất hiệu quả hơn cấp phép.

Về lợi thế địa điểm, Việt Nam sở hữu lao động trẻ với chi phí cạnh tranh, hệ thống khu công nghiệp ngày càng hoàn thiện, vị trí địa lý thuận lợi và mạng lưới FTA rộng khắp (CPTPP, RCEP, EVFTA).

2.3. Căng thẳng thương mại và tác động đến dòng vốn FDI

Căng thẳng thương mại làm thay đổi bản đồ FDI toàn cầu khi thuế quan gia tăng khiến doanh nghiệp tái đánh giá vị trí sản xuất. Cuộc chiến Mỹ-Trung từ

** Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN; Tác giả liên hệ: duyvu@vnu.edu.vn*

2018 minh chứng rõ nét: theo PIIE, thuế của Mỹ đối với hàng Trung Quốc đạt kỷ lục năm 2025 (Bown, 2025), khiến FDI greenfield vào ngành CBCT Trung Quốc giảm 17% giai đoạn 2019-2023 trong khi dòng vốn vào Đông Nam Á tăng 20% (CIIP, 2025).

Chiến lược "China Plus One" trở thành xu hướng phổ biến, dịch chuyển đầu tư sang Việt Nam, Indonesia và Ấn Độ. Với mạng lưới FTA rộng và không bị cuốn trực tiếp vào tranh chấp Mỹ-Trung, Việt Nam vì vậy nổi lên như điểm đến đầy tiềm năng.

3. Thực trạng thu hút FDI trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tại Việt Nam trong bối cảnh căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc

3.1. Tổng quan thu hút FDI vào Việt Nam giai đoạn 2018-2025

Giai đoạn 2018-2025 đánh dấu những bước tiến quan trọng trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của Việt Nam, diễn ra song song với những biến động lớn của kinh tế toàn cầu. Theo số liệu ước tính từ Cục đầu tư nước ngoài, năm 2018, khi cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung bắt đầu khởi phát, Việt Nam thu hút 35,46 tỷ USD vốn đăng ký với 19,1 tỷ USD vốn thực hiện. Con số này tiếp tục tăng lên 38,2 tỷ USD vốn đăng ký vào năm 2019, phản ánh làn sóng đầu tiên của xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, đại dịch COVID-19 đã tạm thời làm gián đoạn đà tăng trưởng này, khiến vốn đăng ký giảm xuống còn 28,53 tỷ USD vào năm 2020 và 31,15 tỷ USD vào năm 2021.

Hình 1: Dòng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam và ngành công nghiệp chế biến chế tạo giai đoạn 2018-2025

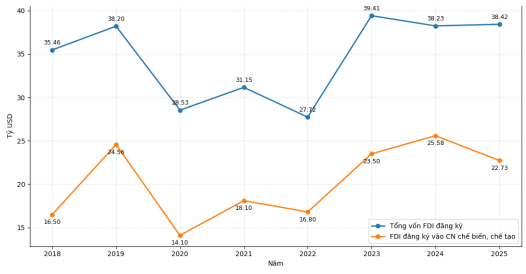

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Tài chính.

Bước sang giai đoạn hậu đại dịch, dòng vốn FDI đã phục hồi mạnh mẽ. Năm 2023, vốn đăng ký đạt 39,41 tỷ USD, cao nhất trong giai đoạn nghiên cứu. Đặc biệt đáng chú ý là xu hướng gia tăng liên tục của vốn thực hiện - chỉ số phản ánh chính xác hơn dòng vốn thực tế đổ vào nền kinh tế. Từ mức 19,1 tỷ USD năm 2018, vốn thực hiện đã tăng đều qua các năm và đạt mức kỷ lục 25,35 tỷ USD vào năm 2024, tăng 9,4% so với năm trước. Đến năm 2025, con số này tiếp tục được nâng lên 27,62 tỷ USD, khẳng định niềm tin ngày càng vững chắc của các nhà đầu tư nước ngoài vào môi trường kinh doanh Việt Nam.

Về cơ cấu đối tác đầu tư, Singapore duy trì vị trí dẫn đầu với 10,21 tỷ USD vốn đăng ký năm 2024, chiếm 26,7% tổng vốn. Hàn Quốc theo sát ở vị trí thứ hai với 7,06 tỷ USD, trong khi Trung Quốc vươn lên vị trí thứ ba với 4,73 tỷ USD. Sang năm 2025, vốn cấp mới vẫn do Singapore dẫn đầu với 4,84 tỷ USD (27,9%), theo sau là Trung Quốc với 3,64 tỷ USD (21%) - một dấu hiệu đáng chú ý phản ánh xu hướng dịch chuyển sản xuất từ quốc gia này sang Việt Nam. Xét theo địa bàn tiếp nhận, các tỉnh phía Bắc tiếp tục là điểm đến ưu tiên của dòng vốn FDI trong năm 2024, với Bắc Ninh dẫn đầu cả nước với 5,12 tỷ USD, tiếp theo là Hải Phòng với 4,94 tỷ USD và TP. Hồ Chí Minh với 3,04 tỷ USD. Đến năm 2025, TP. Hồ Chí Minh vươn lên dẫn đầu, tiếp theo là Hà Nội và Bắc Ninh.

3.2. Thực trạng FDI trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

Trong bức tranh tổng thể về thu hút FDI, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nổi lên như trụ cột chính với tỷ trọng ngày càng áp đảo, như minh hoạ tại Hình 1. Theo dữ liệu của Cục đầu tư nước ngoài, nếu năm 2018, vốn FDI đăng ký vào ngành này đạt 16,5 tỷ USD, chiếm 46,53% tổng vốn, thì đến năm 2019, con số đã tăng vọt lên 24,56 tỷ USD với tỷ trọng 64,29%. Sau giai đoạn suy giảm do đại dịch với 14,1 tỷ USD năm 2020, dòng vốn vào ngành CBCT đã phục hồi nhanh chóng và duy trì đà tăng trưởng ấn tượng. Năm 2023 ghi nhận 23,5 tỷ USD, năm 2024 đạt 25,58 tỷ USD và đến năm 2025, con số này tiếp tục được duy trì ở mức ấn tượng với 22,73 tỷ USD, chiếm gần 60% tổng vốn FDI đăng ký. Xu hướng tập trung ngày càng cao vào ngành CBCT cho thấy Việt Nam đang ngày càng khẳng định vị thế như một trung tâm sản xuất quan trọng trong mạng lưới chuỗi cung ứng toàn cầu.

Sự bùng nổ FDI vào ngành CBCT giai đoạn này gắn liền mật thiết với bối cảnh cạnh tranh thương mại Mỹ-Trung. Khi thuế quan của Hoa Kỳ đối với hàng hóa Trung Quốc tăng mạnh từ năm 2018, các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng điện tử và công nghệ buộc phải tìm kiếm địa điểm sản xuất thay thế để tránh rủi ro thuế quan. Việt Nam, với lợi thế là thành viên của nhiều hiệp định thương mại tự do và không nằm trong tầm ngắm của các biện pháp trừng phạt, đã trở thành lựa chọn hàng đầu hấp dẫn với các nhà đầu tư. Điều này được thể hiện rõ qua việc tỷ trọng FDI vào ngành CBCT tăng từ 46,53% năm 2018 lên 64,29% năm 2019 - năm đầu tiên căng thẳng thương mại leo thang mạnh, và tiếp tục duy trì ở mức cao trong những năm bất ổn tiếp theo của thương mại toàn cầu.

Phân tích theo đối tác đầu tư vào ngành CBCT năm 2024 từ dữ liệu của Cục đầu tư nước ngoài, Singapore tiếp tục dẫn đầu với 5,2 tỷ USD, theo sau là Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc và Hoa Kỳ. Năm 2025, Singapore vẫn duy trì vị trí đứng đầu với 3,06 tỷ USD vào ngành CBCT, tiếp theo là Nhật Bản, Trung Quốc và Hoa Kỳ. Điều đáng chú ý là sự hiện diện ngày càng mạnh mẽ của các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới trong lĩnh vực điện tử và bán dẫn - những ngành có giá trị gia tăng cao nhất trong CBCT và cũng là những ngành chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất từ căng thẳng thương mại Mỹ-Trung.

Các tập đoàn công nghệ hàng đầu như Samsung (23 tỷ USD lũy kế), Foxconn (3 tỷ USD), Amkor Technology (1,07 tỷ USD) và LG Display (5,6 tỷ USD) đã biến Việt Nam thành trung tâm sản xuất điện tử và bán dẫn quan trọng.

Một trong những đặc điểm nổi bật của dòng vốn FDI vào ngành CBCT tại Việt Nam giai đoạn này là sự gia tăng đáng kể đầu tư từ các nền kinh tế có quan hệ mật thiết với Trung Quốc, bao gồm Trung Quốc đại lục, Hồng Kông và Đài Loan. Đây là minh chứng rõ nét cho xu hướng "China Plus One" khi các doanh nghiệp tìm cách đa dạng hóa cơ sở sản xuất để tránh rủi ro thuế quan.

Số liệu tổng hợp được minh hoạ tại Hình 2 cho thấy FDI từ Trung Quốc đã tăng từ khoảng 2,28 tỷ USD năm 2019 lên 2,92 tỷ USD năm 2021, và bứt phá mạnh lên 4, 47 tỷ USD năm 2023 rồi đạt mức cao nhất 4,73 tỷ USD năm 2024. Hồng Kông cũng ghi nhận mức đầu tư ấn tượng nhất trong cả giai đoạn, với con số kỷ lục đạt 4,68 tỷ USD năm 2023[3]. Nếu cộng gộp vốn từ cả ba nguồn, tổng đầu tư từ khu vực Trung Hoa mở rộng đã tăng đáng kể, phản ánh chiến lược dịch chuyển sản xuất để né tránh thuế quan Mỹ.

Hình 2: FDI đăng ký dịch chuyển từ Trung Quốc (đại lục) sang Việt Nam giai đoạn 2019-2025

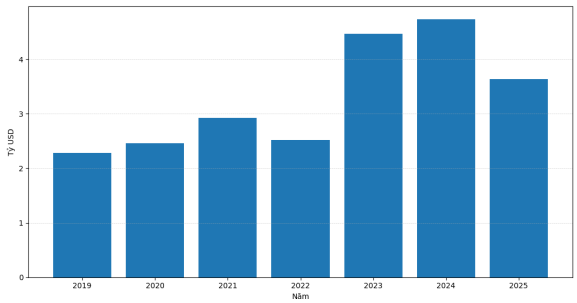

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Cục Đầu tư Nước ngoài, Tổng cục Thống kê và Trung tâm WTO

Xu hướng này đặc biệt rõ nét trong ngành điện tử và bán dẫn - những lĩnh vực chịu tác động trực tiếp nhất từ các biện pháp thuế quan và hạn chế công nghệ của Hoa Kỳ đối với Trung Quốc. Khi các tập đoàn như Foxconn hay Pegatron thiết lập cơ sở sản xuất tại Bắc Giang và Hải Phòng, hàng chục nhà cung cấp Đài Loan và Trung Quốc đã theo chân đầu tư, tạo nên các cụm công nghiệp điện tử hoàn chỉnh[4].

Đóng góp vào xuất khẩu là thước đo quan trọng phản ánh hiệu quả thực sự của dòng vốn FDI. Số liệu từ Cục Hải quan năm 2024 cho thấy khu vực FDI (bao gồm tất cả các ngành, trong đó CBCT chiếm phần lớn nhất[5]) đạt kim ngạch xuất khẩu 290,8 tỷ USD, chiếm 71,8% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước và tăng 12,2% so với năm 2023. Sang năm 2025, kim ngạch xuất khẩu khu vực FDI tiếp tục đạt con số ấn tượng với hơn 660 tỷ USD, chiếm 72% tổng xuất khẩu, trong đó, các mặt hàng điện tử, dệt may, da giày đã đem lại động lực tăng trưởng đáng kể. Những số liệu này một lần nữa khẳng định vai trò then chốt của FDI vào ngành CBCT trong thúc đẩy xuất khẩu và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh thương mại toàn cầu biến đổi không ngừng như hiện nay.

3.4. Đánh giá thành tựu và hạn chế

Nhìn lại giai đoạn 2018-2025, có thể khẳng định rằng thu hút FDI vào ngành CBCT đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Về quy mô, vốn đầu tư liên tục thiết lập các kỷ lục mới, với vốn thực hiện đạt mức cao ấn tượng vào năm 2024-2025. Về cơ cấu, đầu tư đã dịch chuyển tích cực sang các ngành công nghệ cao như điện tử và bán dẫn - những lĩnh vực có giá trị gia tăng cao và khả năng lan tỏa công nghệ mạnh mẽ. Về vị thế, sự hiện diện của các tập đoàn hàng đầu thế giới đã nâng cao vai trò của Việt Nam trong chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh tái cấu trúc chuỗi cung ứng do căng thẳng Mỹ-Trung.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, vẫn tồn tại những hạn chế cần được nhận diện và khắc phục. Mức độ liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa còn thấp, với chỉ khoảng 10% doanh nghiệp Việt Nam tham gia được vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp FDI (Tiến Thành, 2025). Điều này hạn chế hiệu ứng lan tỏa công nghệ và giá trị gia tăng nội địa. Bên cạnh đó, ngành công nghiệp hỗ trợ trong nước chưa phát triển tương xứng, khiến các doanh nghiệp FDI phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu linh kiện từ nước ngoài, đặc biệt từ Trung Quốc. Phần lớn hoạt động sản xuất tại Việt Nam vẫn tập trung ở công đoạn

[3] *Số liệu tổng hợp từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Tài chính), Tổng cục Thống kê và Trung tâm WTO (thuộc VCCI).*

[4] *Theo Trí Khang (2024), "Foxconn sẽ rót thêm 80 triệu USD vào Bắc Giang để sản xuất chip", VnExpress. https://vnexpress.net và Cổng thông tin điện tử TP. Hải Phòng (2022), "Cách nào thu hút vốn FDI từ làn sóng dịch chuyển đầu tư". https://haiphong.gov.vn.*

[5] *Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong khu vực FDI đóng góp tỷ trọng lớn và quan trọng vào cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam qua nhiều năm. Theo dữ liệu từ Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Tài chính), Cục Hải quan và Bộ Công Thương, hàng chế biến chế tạo từ FDI chiếm tỷ trọng chủ lực trong xuất khẩu, như 85% tổng kim ngạch năm 2023 và 84,6% trong 7 tháng 2024 (gần 192 tỷ USD). Các nhóm hàng điện tử, máy móc, dệt may từ khu vực FDI là động lực chính, giúp cải thiện cơ cấu xuất khẩu và tham gia sâu chuỗi cung ứng toàn cầu.*

lắp ráp và đóng gói - những khâu có giá trị gia tăng thấp nhất trong chuỗi giá trị, trong khi các hoạt động nghiên cứu phát triển và thiết kế vẫn được thực hiện tại nước chủ đầu tư.

Nguyên nhân của những hạn chế trên xuất phát từ nhiều yếu tố. Về phía cung, năng lực công nghệ và quản lý của doanh nghiệp nội địa còn khoảng cách lớn so với yêu cầu của các tập đoàn đa quốc gia. Nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ mới như bán dẫn, vẫn còn thiếu hụt nghiêm trọng. Về phía cầu, các chính sách ưu đãi đầu tư chưa đủ mạnh để khuyến khích chuyển giao công nghệ và phát triển liên kết nội địa. Những thách thức này đặt ra yêu cầu cấp thiết về các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thu hút FDI vào ngành CBCT trong giai đoạn tới.

4. Đề xuất giải pháp

4.1. Cơ sở đề xuất giải pháp

Những hạn chế được chỉ ra trong phần phân tích thực trạng, kết hợp với bối cảnh cạnh tranh thương mại Mỹ-Trung dự báo tiếp tục kéo dài, đặt ra yêu cầu cấp bách về việc hoàn thiện hệ thống giải pháp. Với mức thuế của Hoa Kỳ đối với hàng Trung Quốc đã chạm ngưỡng kỷ lục chưa từng có và xu hướng "China Plus One" ngày càng mạnh mẽ, Việt Nam đang đứng trước cơ hội hiếm có để nâng tầm vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong ngành CBCT. Các giải pháp đề xuất dưới đây được xây dựng dựa trên ba nguyên tắc: nâng cao chất lượng FDI thay vì chỉ chạy theo số lượng; tăng cường liên kết giữa khu vực FDI và doanh nghiệp nội địa; và đảm bảo tính bền vững thông qua phát triển nguồn nhân lực và hạ tầng tương xứng.

4.2. Hoàn thiện thể chế và chính sách

Để thu hút FDI chất lượng cao vào ngành CBCT, cần xây dựng cơ chế ưu đãi đầu tư có điều kiện gắn với cam kết chuyển giao công nghệ, trong đó các dự án thiết lập trung tâm nghiên cứu phát triển hoặc đào tạo kỹ sư bản địa sẽ được hưởng mức ưu đãi cao hơn về thuế và tiền thuê đất. Cần triển khai các chương trình kết nối có hệ thống giữa doanh nghiệp FDI và nhà cung cấp nội địa trong ngành CBCT. Cụ thể, Bộ Công Thương và các địa phương có thể phối hợp xây dựng cổng thông tin kết nối cung-cầu trực tuyến, tổ chức các hội chợ kết nối định kỳ tại các cụm công nghiệp điện tử trọng điểm như Bắc Ninh, Bắc Giang và Hải Phòng, đồng thời hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nội địa nâng cấp năng lực sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn của các tập đoàn đa quốc gia. Với tỷ lệ liên kết nội địa hiện chỉ ở mức vô cùng khiêm tốn, mục tiêu nâng lên 25-30% vào năm 2030 là hoàn toàn khả thi nếu có các chương trình hỗ trợ phù hợp.

4.3. Phát triển hạ tầng và nguồn nhân lực

Cần phát triển các khu công nghiệp chuyên sâu phục vụ ngành điện tử và bán dẫn với hệ thống xử lý nước siêu sạch, phòng sạch tiêu chuẩn và nguồn điện ổn định tại các tỉnh như Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Phòng và Nghệ An.

Ngành bán dẫn cần khoảng 50.000 kỹ sư đến 2030[6]. Giải pháp là mở rộng hợp tác với các tập đoàn FDI trong đào tạo theo đơn đặt hàng và tái cấu trúc chương trình đại học để bổ sung các chuyên ngành mới như thiết kế vi mạch và đóng gói chip.

4.4. Phát triển công nghiệp hỗ trợ

Ngành công nghiệp hỗ trợ yếu kém là nguyên nhân chính khiến tỷ lệ nội địa hóa còn thấp trong ngành CBCT. Cần triển khai các chương trình hỗ trợ có mục tiêu nhằm nâng cao năng lực của doanh nghiệp nội địa trong việc sản xuất các linh kiện cơ bản cho ngành điện tử. Quỹ Phát triển Doanh nghiệp nhỏ và vừa cần được bổ sung ngân sách và thiết kế các gói tín dụng ưu đãi dành riêng cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ. Đặc biệt, cần khuyến khích các nhà cung cấp cấp một từ các nước tiên tiến đầu tư vào Việt Nam thông qua các ưu đãi đặc thù, từ đó hình thành hệ sinh thái cung ứng hoàn chỉnh tại chỗ theo mô hình cụm công nghiệp điện tử khép kín.

Kết luận: Nghiên cứu cho thấy giai đoạn 2018-2025, cạnh tranh thương mại Mỹ-Trung đã tạo cơ hội lớn để Việt Nam thu hút FDI vào công nghiệp chế biến, chế tạo, nhất là trong điện tử và bán dẫn. Tuy vậy, hiệu quả thu hút FDI vẫn bị hạn chế bởi liên kết nội địa yếu, công nghiệp hỗ trợ chậm phát triển và thiếu nhân lực chất lượng cao. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất bốn hướng giải pháp trọng tâm: hoàn thiện thể chế và ưu đãi gắn với chuyển giao công nghệ, nâng cấp hạ tầng công nghiệp và logistics, phát triển nhân lực chất lượng cao, và thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ trong nước.

Tài liệu tham khảo:

Bown, C.P. (2025), "US-China Trade War Tariffs: An Up-to-Date Chart", Peterson Institute for International Economics, https://www.piie.com

Centre for Impact Investing and Practices (CIIP) (2025), "Transforming for sustainability: Driving impact and value through supply chain action". https://ciip.com.sg

Cổng thông tin điện tử TP. Hải Phòng (2022), "Cách nào thu hút vốn FDI từ làn sóng dịch chuyển đầu tư". https://haiphong.gov.vn.

Dunning, J.H. (2000), "The eclectic paradigm as an envelope for economic and business theories of MNE activity", International Business Review, Vol. 9, No. 2, pp. 163-190.

Hoàng Minh (2025), "Foxconn: Hành trình phát triển chuỗi sản xuất 3 tỷ USD ở Việt Nam", VietnamFinance. https://vietnamfinance.vn

OECD (2008), OECD Benchmark Definition of Foreign Direct Investment, 4th Edition, OECD Publishing, Paris.

Quốc hội. (2023), "Nghị quyết số 103/2023/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024".

The White House (2024), "Fact Sheet: President Biden Takes Action to Protect American Workers and Businesses from China's Unfair Trade Practices", https://www.whitehouse.gov

Tiến Thành (2025), "Liên kết Nhà nước - FDI - Doanh nghiệp nội địa: Chìa khóa bứt phá công nghiệp hỗ trợ Việt Nam", Tạp chí Công thương. https://tapchicongthuong.vn

Trí Đức (2025), "Samsung Display's investment the biggest FDI project licensed in Vietnam in 2024", The Investor. https://theinvestor.vn

Trí Khang (2024), "Foxconn sẽ rót thêm 80 triệu USD vào Bắc Giang để sản xuất chip", VnExpress. https://vnexpress.net

Số liệu thứ cấp được thu thập từ báo cáo, dữ liệu của Bộ Công thương, Cục Hải quan, Tổng cục Thống kê, Cục Đầu tư nước ngoài, VCCI

[6] *Theo Nghị quyết số 103/2023/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của Quốc hội.*